

Thực trạng và giải pháp

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH QUY MÔ NHỎ Ở VIỆT NAM

LÊ ĐỨC NGUYỄN

Năm 2001 số hộ nghèo ở nước ta là 17,2%, đến năm 2005 đã giảm nhanh xuống còn dưới 7%. Theo chuẩn nghèo mới, đến cuối năm 2006 tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn 18,1%, giảm 3% so với đầu năm. Thành quả này đã được cộng đồng quốc tế công nhận Việt Nam là một “điểm sáng” của các quốc gia đang phát triển về xóa đói giảm nghèo. Trong thành công đó, có sự đóng góp không nhỏ của tài chính vi mô ở Việt Nam những năm qua.

Theo định nghĩa của Ngân hàng Phát triển Châu Á, tài chính vi mô (tài chính quy mô nhỏ) là việc cung cấp các hoạt động tài chính như tiền gửi, khoản vay, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền và bảo hiểm cho người nghèo và các hộ gia đình có thu nhập thấp và các doanh nghiệp nhỏ của họ.

Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09/3/2005 của Chính phủ quy định: tài chính quy mô nhỏ hay còn gọi là Tài chính vi mô (TCVM) là hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp, đặc biệt là hộ gia đình nghèo và người nghèo.

Dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản gồm: tín dụng quy mô nhỏ; nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện; đại lý chuyển tiền; đại lý bảo hiểm, thu hộ, chi hộ cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp.

Thế giới đã có nhiều kinh nghiệm với mô hình tài chính vi mô, trong đó phải kể đến mô hình của ông Muhammad Yunus

(Bangladesh) - người đã sáng lập Ngân hàng Grameen. Thành lập năm 1976, đến nay ngân hàng này đã cứu giúp hàng triệu người Bangladesh thoát cảnh nghèo đói bằng chương trình tín dụng nhỏ.

THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH QUY MÔ NHỎ TẠI VIỆT NAM

Ở Việt Nam, tài chính quy mô nhỏ được thực hiện thông qua các kênh phân phối là Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNo), Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (QTDND), Hợp tác xã (HTX) (tín dụng nội bộ), các chương trình TCVM của các tổ chức phi chính phủ... Có thể nêu sơ lược về hoạt động của các kênh này như sau:

* NHCSXH

Ngân hàng cho vay đối với người nghèo, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cho vay vốn giải quyết việc làm và các đối tượng chính sách khác. Tính đến 31/7/2007, tổng dư nợ ước đạt 28.984 tỷ đồng, tăng 20% so 31/12/2006; nợ quá hạn chiếm 2,3% tổng dư nợ.

* NHNo

Bên cạnh hoạt động tín dụng thương mại, ngân hàng cũng thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Quyết định 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, dư nợ cho vay hộ nông dân của ngân hàng khoảng 113.000 tỷ đồng, với gần 10 triệu hộ vay⁽¹⁾.

* QTDND

Cả nước hiện có 938 QTDND cơ sở được thành lập tại 55 tỉnh, thành phố. Đến 31/12/2006, tổng vốn huy động của các Quỹ đạt 6.256 tỷ đồng, chiếm 66,5% tổng nguồn vốn, so với cuối năm 2005 tăng 31,2%. Tổng dư nợ cho vay thành viên đạt 8.209 tỷ đồng, so với cuối năm 2005 tăng 27,6%. Tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,53% tổng dư nợ⁽²⁾.

* Các chương trình, dự án tài chính vi mô

Đa số, các chương trình TCVM có quy mô nhỏ, tổng tài sản khoảng vài tỷ đồng trở xuống. Một số chương trình quy mô lớn hơn, khoảng vài chục tỷ đồng. Có thể nêu ra 2 quỹ hoạt động TCVM điển hình của Việt Nam và các chương trình TCVM do các tổ chức phi chính phủ tài trợ.

Quỹ hỗ trợ vốn cho người nghèo tạo việc làm (CEP) do Liên đoàn lao động TP.HCM thành lập, với khoảng 70.000 thành viên và Quỹ tình thương (TYM) của Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, với khoảng 22.400 thành viên.

Trải qua 15 năm, Quỹ CEP đã hình thành mạng lưới 17 chi nhánh, trợ vốn cho trên 600.000 lượt người nghèo vay vốn với doanh số cho vay trên 1.500 tỷ đồng. Đến cuối năm 2006, tổng dư nợ 160 tỷ đồng với 64.320 khách hàng vay, tỷ lệ nợ quá hạn 1,76%; tổng số dư tiết kiệm 56 tỷ đồng.

Riêng Quỹ TYM đã phát triển được gần 24.000 thành viên với 18 chi nhánh thuộc 7 tỉnh, thành phố. Tổng dư nợ cho vay là 50,4

tỷ đồng, tỷ lệ nợ rủi ro 0,1%, số dư tiết kiệm 24,3 tỷ đồng. Thông qua hoạt động hỗ trợ của Quỹ, đã có hơn 30.000 phụ nữ thoát khỏi đói nghèo...

Đối với các chương trình TCVM do các tổ chức phi chính phủ tài trợ - NGOs (Non-Government Organizations): Hầu hết, các chương trình này được thực hiện thông qua Hội liên hiệp phụ nữ các cấp, hoạt động tập trung ở địa bàn vùng khó khăn, đối tượng khách hàng chủ yếu là phụ nữ nghèo.

Hoạt động của các chương trình, dự án này đã góp phần đáng kể vào việc xóa đói giảm nghèo. So với các kênh TCVM nêu trên, với sản phẩm dịch vụ khác biệt (về tín dụng, tiết kiệm bắt buộc, bảo hiểm vi mô dưới hình thức quỹ tương trợ...), lãi suất cho vay mang tính thương mại cùng với việc trực tiếp hướng dẫn người nghèo cách thức sản xuất kinh doanh (SXKD), chương trình TCVM đã góp phần giúp người nghèo cách sử dụng vốn vay có hiệu quả để tạo thu nhập và trả nợ, không trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp tín dụng của Nhà nước.

Ngoài các kênh TCVM nêu trên, tín dụng nội bộ của các HTX cũng là một loại hình hoạt động này. Hiện nay, các HTX mà chủ yếu là các HTX nông nghiệp đang thực hiện tín dụng nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 06/2004/TT-NHNN ngày 27/9/2004 hướng dẫn tín dụng nội bộ HTX và Thông tư 04/2007/TT-NHNN ngày 13/6/2007. Mặc dù chỉ là một hoạt động phụ trợ trong HTX nhưng tín dụng nội bộ đã hỗ trợ được một phần vốn phục vụ SX, KD cho các xã viên.

Các tổ chức chính trị - xã hội trong nước như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Đoàn thanh

niên... cũng đã góp phần đáng kể trong việc hỗ trợ các thành viên, các kênh cung cấp TCVM, thông qua việc làm trung gian giữa người vay với ngân hàng hoặc thực hiện ủy thác từng phần (như tham gia vào việc thành lập tổ vay vốn, giám sát sử dụng vốn vay, đôn đốc thành viên tổ vay vốn trả nợ đúng hạn...).

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ

- Nhìn chung, tài chính vi mô đã góp phần đáng kể vào công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam những năm qua. Thông qua các khoản tín dụng nhỏ đã tạo thêm nhiều việc làm, giải quyết tình trạng nông nhàn, đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của người nghèo, người có thu nhập thấp, cải thiện và nâng dần điều kiện sống của người dân.

- Tài chính vi mô đã giúp cho các hộ nghèo biết cách sử dụng vốn vay; hỗ trợ họ phương thức sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi giống vật nuôi, cây trồng hiệu quả.

- Thông qua nhiều kênh phân phối (NHCSXH, NHNo, QTDND, các chương trình, dự án TCVM...), hoạt động tài chính vi mô đã làm phong phú, đa dạng nguồn cấp tín dụng phục vụ người nghèo, tạo cho họ có điều kiện tiếp cận, lựa chọn các kênh cung cấp tài chính quy mô nhỏ phù hợp.

- Ngoài TCVM của Chính phủ, sự đa dạng của các kênh TCVM như QTDND, các chương trình TCVM, tín dụng nội bộ HTX đã góp phần vào công tác xã hội hóa tín dụng quy mô nhỏ ở Việt Nam, giảm gánh nặng đối với Chính phủ trong công tác tín dụng phục vụ xóa đói giảm nghèo.

CÁC KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

- Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, nước ta chưa có một chiến lược toàn diện, tổng thể về TCVM. Hiện trạng TCVM còn rất manh mún, nhỏ lẻ, rời rạc, còn

đang ở giai đoạn đầu.

- Đội ngũ cán bộ thật sự có năng lực, kinh nghiệm đối với lĩnh vực TCVM còn thiếu; nguy cơ những người có năng lực sẽ “rời bỏ” các tổ chức, chương trình TCVM (kể cả cán bộ của NHCSXH, NHNo) vì chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ hiện tại không khuyến khích, động viên họ.

- Đã hơn 2 năm kể từ ngày Nghị định số 28/2005/NĐ-CP có hiệu lực nhưng các Thông tư hướng dẫn thực hiện vẫn chưa được ban hành.

MỘT SỐ HẠN CHẾ CỦA CÁC KÊNH TÀI CHÍNH QUY MÔ NHỎ

Hoạt động của các kênh TCVM có một số điểm hạn chế sau:

1/ Việc cho vay với lãi suất ưu đãi của NHCSXH phần nào đã tạo nên tâm lý ỷ lại của đối tượng vay vốn vào sự bao cấp của Nhà nước như không muốn trả nợ hoặc trì hoãn trách nhiệm trả nợ gốc, lãi. Cụ thể, hiện nay cho vay người nghèo với lãi suất 0,65%/tháng; hộ gia đình SXKD ở vùng khó khăn (không thuộc diện nghèo) lãi suất cho vay 0,9%/tháng; hộ dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn lãi suất cho vay 0%.

2/ Các chương trình, dự án TCVM chưa thực hiện những quy định để đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng như tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cho vay; chỉ tiêu về giới hạn an toàn vốn trong hoạt động (gồm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ về khả năng chi trả).

3/ Thời gian qua, một số QTDND hoạt động không hiệu quả dẫn đến phải giải thể, thanh lý phần nào đã ảnh hưởng đến niềm tin của người dân, các cấp chính quyền địa phương đối với vai trò cũng như mô hình hoạt động của Quỹ.

4/ Với hệ thống mạng lưới rộng khắp 64 tỉnh, thành triển khai đến cấp xã (NHNo với 2.200

chi nhánh, phòng giao dịch, hơn 110.000 tổ vay vốn; NHCSXH 64 chi nhánh cấp tỉnh, 592 phòng giao dịch cấp huyện, hơn 239.647 tổ tiết kiệm và vay vốn) nhưng cả hai ngân hàng này chưa đáp ứng được nhu cầu vốn tín dụng của người nghèo, hộ gia đình ở vùng khó khăn. Hiện vẫn còn nhiều người nghèo ở vùng khó khăn chưa tiếp cận được vốn tín dụng.

ƯU VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA CÁC KÊNH TCVM

Thông qua một số chỉ tiêu dưới đây sẽ cho thấy phần nào về ưu và nhược điểm của các kênh TCVM tại Việt Nam.

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

Giai đoạn 2006 - 2010, nước ta áp dụng chuẩn nghèo mới, do đó số hộ nghèo đã tăng lên. Đây là một trọng trách, cũng là một cơ hội để các kênh TCVM khẳng định vai trò của mình.

1/ Nhằm tạo cơ sở hành lang pháp lý cho hoạt động của các chương trình, dự án TCVM tại Việt Nam, đề nghị Chính phủ, NHNN sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28 và Thông tư hướng dẫn thực hiện.

2/ Trong quá trình soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung và các Thông tư hướng dẫn, đề nghị Chính phủ và NHNN cần khảo sát, nghiên cứu kỹ các tổ chức, chương trình TCVM ở Việt Nam; lấy ý kiến tham gia đóng góp của các tổ chức tài chính vi mô quốc tế, các chương trình tài chính vi mô trong nước và các Bộ ngành liên quan... Điều này sẽ góp phần đưa Nghị định và Thông tư được ban hành sớm đi vào thực tiễn.

3/ NHNN và UBND các cấp, ngành liên quan cần quan tâm, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình, dự án TCVM chuyển đổi mô hình hoạt

NHNN có các giải pháp phù hợp về giới hạn hoạt động để các chương trình này tiếp tục được góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo.

4/ Thời gian tới, NHNN cần tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả hoạt động của các kênh cung cấp TCVM nói chung, đặc biệt là các tổ chức TCVM chuyển đổi mô hình hoạt động hoặc thành lập mới theo Nghị định sửa đổi của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của TCVM nhỏ.

5/ Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, kể cả các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế hỗ trợ nguồn vốn nhiều hơn nữa vào các kênh tài chính quy mô nhỏ nhằm nâng cao năng lực tài chính, tạo điều kiện ra đời các tổ chức TCVM đủ tiềm lực, góp phần thực hiện xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo.

*** Các kênh phân phối TCVM**

1/ Đối với các cán bộ tín dụng trực tiếp làm công tác thẩm định, xét duyệt cho vay vốn của các kênh phân phối TCVM:

- Ngoài kiến thức nghiệp vụ ngân hàng, các cán bộ này cần phải luôn cập nhật, học hỏi kiến thức từ chương trình khuyến công, nông, lâm, ngư; thông tin thị trường, qua đó tư vấn kịp thời, hướng dẫn người vay vốn đầu tư có hiệu quả, sử dụng vốn vay tốt hơn.

- Lãnh đạo các tổ chức TCVM cần phải quan tâm và có cơ chế khuyến khích rõ ràng cho các cán bộ này về lương, thưởng, chế độ đãi ngộ gắn với trách nhiệm, hiệu quả công việc (*tăng trưởng tín dụng đi đôi với chất lượng tín dụng*), tránh tình trạng “cào bằng”, “đến hẹn lại lên”.

2/ Cần quan tâm công tác tuyển chọn, đề bạt cán bộ quản

Bảng so sánh ưu và nhược điểm của các kênh TCVM

Kênh TCVM \ Chi tiêu	NHCSXH	NHNo	QTDND	Các chương trình TCVM	Chi chú
Về quy mô (*)	Lớn	Lớn	Nhỏ	Nhỏ	Ngoại trừ CEP, TYM
Nguồn vốn cho vay (**)	Đa dạng	Đa dạng	Tương đối đa dạng	Chưa đa dạng	
Thị phần tín dụng	Lớn	Lớn	Nhỏ	Nhỏ	
Chất lượng tín dụng	Tỷ lệ nợ quá hạn/TDN 2,3% (ước 31/7/2007)	-	Tỷ lệ nợ xấu/TDN 0,53% (31/12/2006)	Tỷ lệ nợ thu hồi 98%	TDN: Tổng dư nợ
Đội ngũ cán bộ	Chuyên trách	Chuyên trách	Chuyên trách	Bán chuyên trách	
Liên kết của hệ thống	Chặt chẽ	Chặt chẽ	Bước đầu có sự liên kết	Thiếu sự liên kết, rời rạc	
Lãi suất cho vay	Ưu đãi	Thương mại	Thương mại	Thương mại	

Với mục đích nâng cao hiệu quả tài chính quy mô nhỏ nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, tôi xin đề ra một số giải pháp sau:

*** Đối với Chính phủ và NHNN**

động phù hợp, qua đó dẫn đi vào ổn định, phát triển và chuyên nghiệp hơn.

Trường hợp các chương trình TCVM chưa chuyển đổi do đáp ứng không đầy đủ các điều kiện quy định, đề nghị Chính phủ và

lý, điều hành có năng lực, trình độ bởi họ là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào thành công của tổ chức.

3/ Mỗi kênh phân phối TCVM tùy theo đặc điểm, thế mạnh riêng có của mình mà phát huy, sáng tạo, nâng cao thương hiệu; chất lượng dịch vụ TCVM nhằm phục vụ tốt hơn cho người nghèo, người có thu nhập thấp.

4/ Cần quản lý chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng vì mô hình hiện tại có nhiều kênh cung ứng vốn cho người nghèo, người có thu nhập thấp, do đó có thể tạo người vay tâm lý ỷ lại, chây ì trong trả nợ, đảo nợ.

5/ Thời gian tới, các chương trình TCVM cần chuyển đổi mô hình hoạt động vì những lý do sau:

- Theo quy định của Chính phủ tại khoản 2 điều 37 Nghị định số 28 ngày 09/3/2005 về tổ chức và hoạt động tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam.

- Qua chuyển đổi mô hình hoạt động, các chương trình này được cấp phép, đăng ký hoạt động, có đủ tư cách pháp nhân, sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn trong và ngoài nước để mở rộng quy mô. Các mặt hoạt động của tổ chức như quản trị, điều

hành, kiểm tra kiểm soát, cơ cấu tổ chức... sẽ mang tính chuyên nghiệp, hiệu quả hơn.

Do đó, khi Nghị định sửa đổi và các Thông tư hướng dẫn được ban hành, các chương trình TCVM cần lựa chọn chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp, không nhất thiết phải là mô hình tổ chức TCVM nhỏ theo Nghị định số 28 được sửa đổi. Mô hình về tổ chức và hoạt động của QTDND theo Nghị định số 48/2001/NĐ-CP của Chính phủ cũng có thể là một lựa chọn.

*** UBND các cấp, ngành liên quan, các tổ chức chính trị xã hội**

Cần quan tâm hỗ trợ và phối hợp tốt hơn nữa với các kênh phân phối tài chính quy mô nhỏ, nhất là trong công tác khuyến công, nông, lâm, ngư cũng như trong việc hướng dẫn người nghèo sử dụng hiệu quả vốn vay.

Tóm lại, bài viết này có thể chưa nêu đầy đủ bức tranh tổng thể về các kênh phân phối TCVM ở nước ta, nhưng từ thực trạng và những kết quả đạt được cũng như các tồn tại cần khắc phục, người viết bài này mạnh dạn đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động TCVM, góp phần vào thành công của chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo tại Việt

Nam ■

CHÚ THÍCH

- (1) Tạp chí Ngân hàng số 15 tháng 8/2007
- (2) Tạp chí Ngân hàng số 11 tháng 6/2007 và web NHNN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Báo cáo tóm tắt Hội nghị “Tiến đến một ngành tài chính vi mô hoạt động bền vững về tài chính trong khuôn khổ pháp lý”
- 2/ Hướng tới một ngành tài chính vi mô tự vững ở Việt nam: Các vấn đề đặt ra và thách thức - Lê Thị Lan và Trần Như An.
- 3/ Tạp chí ngân hàng số 11 tháng 6/2007 trang 44
- 4/ Tạp chí Ngân hàng số 15 tháng 8/2007 trang 46
- Các trang tin điện tử:
- 5/ <http://www.sbv.gov.vn/>
- 6/ <http://www.vbsp.org.vn/>
- 7/ <http://www.cep.org.vn/>
- 8/ <http://www.mof.gov.vn/>
- 9/ Một số trang tin điện tử liên quan khác.
- 10/ Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09/3/2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam
- 11/ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

